

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020

GIẤY XÁC NHẬN

Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật xác nhận:

Các ông/bà có tên sau đây đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục thanh toán vào ngày 10/02/2020, hợp đồng số 189/2019/TV-KSXD ký ngày 22/10/2019 về việc Khảo sát địa chất công trình Dự án Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh, Gói thầu khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với tổng giá trị thanh toán 475.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

STT	Họ và tên	Chức vụ đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Thư	Chủ trì
2	Nguyễn Văn Thành	Tham gia
3	Doãn Thị Trâm	Tham gia
4	Nguyễn Khắc Long	Tham gia

Trân trọng./.

**TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT**



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Thế Vinh



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 10 tháng 02 năm 20 20

Mẫu số: 01GTKT3/002

Ký hiệu: TT/18P

Số: 0000434

Đơn vị bán hàng: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT**

Mã số thuế: **0100530339**

Địa chỉ: Nhà C5, phòng 201, 202, 304, Đại học Bách Khoa Hà Nội, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số tài khoản: 112 00000 1012 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hai Bà Trưng

Điện thoại: 024. 3868 3342 - 3869 0110 Fax: 024. 3869 0110

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Huyện Đông Anh

Địa chỉ: Số 68, đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế:

1	2	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khảo sát địa chất Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh. Gói thầu khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội. HD 189/2019/TV-KSXD ngày 22/10/2019				431.818.182

Cộng tiền hàng: 431.818.182

Thuế suất GTGT: 10 %; Tiền thuế GTGT: 43.181.818

Tổng cộng tiền thanh toán 475.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đồng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Phương Thảo

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Thế Vinh



189
2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Anh, ngày 12 tháng 10 năm 2019

HỢP ĐỒNG
TƯ VẤN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

Số: 189/2019/TV-KSXD

- DỰ ÁN** : **XÂY DỰNG KHU CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO HUYỆN ĐÔNG ANH**
- GÓI THẦU** : **KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT GIAI ĐOẠN LẬP DỰ ÁN**
- ĐỊA ĐIỂM** : **XÃ UY NỖ, HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI**

giữa

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN ĐÔNG ANH

và

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT

MỤC LỤC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	2
PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.....	4
Điều 1: Các định nghĩa và diễn giải	4
Điều 2 : Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên.	5
Điều 3 : Trao đổi thông tin	5
Điều 4 : Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng.....	5
Điều 5 : Nội dung và khối lượng công việc.....	5
Điều 6 : Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm.	5
Điều 7 : Nghiệm thu sản phẩm.	6
Điều 8 : Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng.....	6
Điều 9 : Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.....	7
Điều 11 : Quyền và nghĩa vụ của Bên B.	8
Điều 12 : Quyền và nghĩa vụ của Bên A.	9
Điều 13 : Nhân lực của Bên B.....	10
Điều 14 : Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	11
Điều 15 : Bảo hiểm.....	11
Điều 16 : Rủi ro và bất khả kháng.....	11
Điều 17 : Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	12
Điều 18 : Chấm dứt hợp đồng.	12
Điều 19 : Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng.....	13
Điều 20 : Khiếu nại và giải quyết tranh chấp.	14
Điều 21 : Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	14
Điều 22 : Điều khoản chung.....	15

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 về việc quy định chi tiết thi hành số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về việc quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ các thông tư của Bộ Xây dựng: số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 01/2017/TT - BXD ngày 06/02/2017 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; số 64/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 28/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình phần khảo sát;

Căn cứ công văn số 1779/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức dự toán xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 5478/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 về việc ban hành đơn giá xây dựng thành phố Hà Nội phần khảo sát; số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công; số 189/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố giá nhân công thị trường trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định của UBND huyện Đông Anh: số 3951/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 thuộc thẩm quyền quyết định của Huyện (lần 1) và điều chỉnh chỉnh ngân sách cho các đơn vị;

Căn cứ Văn bản số 92/HĐND-TT ngày 11/9/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trung tâm thể dục thể thao huyện Đông Anh;

Căn cứ Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 08/5/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Anh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Đông Anh;

Căn cứ Quyết định của UBND huyện Đông Anh: số 3951/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 thuộc thẩm quyền quyết định của Huyện (lần 1) và điều chỉnh chính ngân sách cho các đơn vị;

Căn cứ các Quyết định của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh: số 799/QĐ-QLDA ngày 09/5/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án; số 982/QĐ-QLDA ngày 25/9/2018 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư dự án; số 809/QĐ-QLDA ngày 10/5/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 22/10/2019 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh và Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1993/QĐ-QLDA ngày 22/10/2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh về việc chỉ định đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu Khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án thuộc dự án Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh;

Căn cứ các hồ sơ tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (gọi tắt là Bên A): Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh

- Đại diện: Ông **Phạm Minh Toàn** Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ: Số 68 đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.883.4630
- Số tài khoản: 9552.3.7718131 tại Kho bạc Nhà nước Đông Anh
- Thành lập theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND huyện Đông Anh.

2. Đại diện nhà thầu (gọi là Bên nhận thầu hoặc Bên B): Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật

- Đại diện: Ông **Nguyễn Thế Vinh** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Nhà C5, Phòng 201,202,304 Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Điện thoại: 024.38683342 Fax: 024.38690110
- Số tài khoản: 112000001012 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Mã số thuế: 0100530339
- Thành lập theo quyết định số 503/QĐ ngày 16/5/1986 của Bộ đại học và Trung học chuyên nghiệp nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-624 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 16/7/2015

Bên A và Bên B gọi chung là các bên, gọi riêng là bên.

Các bên thỏa thuận các nội dung như sau:

Điều 1: Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Bên giao thầu: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh.
- 1.2. Bên nhận thầu: Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật.
- 1.3. Dự án: Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh.
- 1.4. Gói thầu: Khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án.
- 1.5. Đại diện Bên giao thầu là người được Bên giao thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên giao thầu điều hành công việc.
- 1.6. Đại diện bên nhận thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt bên nhận thầu điều hành công việc.
- 1.7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Bên nhận thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
- 1.8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định.

Điều 2: Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- 2.1.1. Văn bản chỉ định thầu;
 - 2.1.2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
 - 2.1.3. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan tới công trình;
 - 2.1.4. Các tài liệu liên quan khác.
- 2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu:

Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trong trường hợp không thể thống nhất thì thứ tự ưu tiên tuân thủ theo mục 2.1.

Điều 3: Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4: Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- 4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5: Nội dung và khối lượng công việc

5.1. Nội dung công việc: Khảo sát địa chất dự án Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh, giai đoạn lập dự án.

5.2. Khối lượng công việc:

Khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong Nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

* *Hạng mục Nhà thi đấu đa năng:*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I-III	m	142,4
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI	m	17,6
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp I-III	lần	71,0
4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp IV-VI	lần	9,0

5	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cắt. nén bằng phương pháp 1 trực)	mẫu	21,0
6	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	59,0

* Hạng mục đường giao thông nội bộ:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan tay trên cạn, độ sâu đến 10m, cấp đất đá I-III	m	42,0
2	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cắt. nén bằng phương pháp 1 trực)	mẫu	14,0
3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	7,0

Điều 6: Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng: Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công tác tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

6.2. Số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 06 bộ báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình.

Điều 7: Nghiệm thu sản phẩm

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn:

- a) Hợp đồng kinh tế kỹ thuật tư vấn khoan khảo sát địa chất công trình;
- b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình;
- c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khoan khảo sát địa chất được duyệt.
- d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

7.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu do Bên B cung cấp và mốc giới ngoài thực địa; Bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm. Những sai sót trong sản phẩm Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 8: Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải

thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 9: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế): **475.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong *Phụ lục 01 [Giá hợp đồng]*.

9.2. Nội dung của giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng bao gồm:

- Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển máy móc, nhân lực khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí khác có liên quan.

Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

9.3. Tạm ứng: Không thực hiện tạm ứng.

9.4. Tiến độ thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi hồ sơ được nghiệm thu đầy đủ theo quy định và trong điều kiện nhà nước bố trí đủ vốn.

9.5. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng và chất lượng sản phẩm;

- Bảng xác định khối lượng hoàn thành công việc theo Hợp đồng (và phát sinh nếu có).

9.6. Đồng tiền thanh toán : Đồng tiền Việt Nam.

9.7. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản.

9.8. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 10: Điều chỉnh giá hợp đồng

- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng] ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

- Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác

định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

11.1. Quyền của Bên B:

Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng.

- Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

- Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

- Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân sự của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

- Thực hiện theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

- Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm của mình. Sản phẩm phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của Bên A để hoàn thành Dự án. Bên B sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của Bên A.

- Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

- Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

- Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên A phê duyệt để thực hiện công việc.

- Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

- Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

- Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

- Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

- Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

- Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong Hợp đồng này.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này, Bên B đều phải chịu trách nhiệm.

- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong khoảng thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này Bên B không có ý kiến thì coi như Bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.

Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

12.1. Quyền của Bên A:

- Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

- Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

- Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

- Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

12.2. Nghĩa vụ của Bên A :

- Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và Nhiệm vụ khảo sát; tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.
- Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.
- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên B trong khoản thời gian 07 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này Bên A không có ý kiến thì coi như Bên A đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Bên B.
- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Bên B.

Điều 13: Nhân lực của Bên B

- Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.
- Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.
- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
- Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.
- Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14: Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

- Bên B sẽ giữ bản quyền công việc do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

- Bên B phải cam kết rằng sản phẩm do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15: Bảo hiểm

- Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 16: Rủi ro và bất khả kháng

- Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

- Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

- Bất khả kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

16.1. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 01 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

- Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

- Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho

bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực... ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

16.2. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 17: Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

17.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A.

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

17.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B.

- Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

- Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

- Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

- Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18: Chấm dứt hợp đồng

18.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A.

- Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

- Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

- Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

- Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

- Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

- Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Bên B này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B.

- Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

- Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 07 ngày.

18.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19: Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

19.1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

19.2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với Bên B: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 01 ngày thì phạt 1% giá hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 20: Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

20.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 7 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

20.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

20.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21: Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

21.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất

của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B.

21.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22: Điều khoản chung

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng này bao gồm 15 trang, 22 điều và phụ lục 01 – Giá hợp đồng, được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ 06 bản, Bên B sẽ giữ 02 bản.



Nguyễn Thế Vinh



Phạm Minh Toàn

Phụ lục 01 - Giá hợp đồng

(Kèm theo Hợp đồng số 189/2019/TV-KSXD ngày 22/10/2019)

Dự án: Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh
Gói thầu: Khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I. Hạng mục Nhà thi đấu đa năng						
1	CC.21210	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I-III	m	142,4	1.182.909	168.446.242
2	CC.21220	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI	m	17,6	1.790.836	31.518.714
3	CE.11410	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp I-III	lần	71,0	831.776	59.056.096
4	CE.11420	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp IV-VI	lần	9,0	1.243.706	11.193.354
5	CP.03101	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cát, nén bằng phương pháp 1 trực)	mẫu	21,0	1.983.518	41.653.878
6	CP.03301	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	59,0	1.272.434	75.073.606
7		Tổng cộng				386.941.890
II. Hạng mục Đường giao thông nội bộ						
1	CB.01101	Khoan tay trên cạn, độ sâu hố khoan đến 10m, cấp đất đá I-III	m	42,0	1.261.186	52.969.812
2	CP.03101	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cát, nén bằng phương pháp 1 trực)	mẫu	14,0	1.898.690	26.581.660
3	CP.03301	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	7,0	1.216.614	8.516.298
4		Tổng cộng				88.067.770
		TỔNG CỘNG (MỤC I.7+II.4)				475.009.660
		LÀM TRÒN				475.000.000
<i>Bảng chữ: Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng./.</i>						



Nguyễn Thế Vinh



Phạm Minh Toàn

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên dự án: Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh

Tên gói thầu: Khảo sát địa chất giai đoạn lập dự án

Hợp đồng tư vấn khảo sát địa chất số: 189/2019/TV-KSXD ngày 22 tháng 10 năm 2019

Bên giao thầu: Ban Quản lý dự án ĐTXD Huyện Đông Anh

Bên nhận thầu: Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật

Thanh toán lần thứ: 01

Căn cứ xác định:

Biên bản số 12/KQKS: Nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Mã dự án: 7718151

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán				Thành tiền (đồng)				Ghi chú			
			Đơn giá hợp đồng		Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện		Theo hợp đồng	Thực hiện				
			Theo hợp đồng	Lũy kế đến hết kỳ trước			Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		Thực hiện kỳ này		Lũy kế đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I. HẠNG MỤC: NHÀ THI ĐẤU ĐÀ NẴNG														
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I-III	m	142.4	0	142.4	142.4	1.182.909		168.446.242	-	168.446.242	168.446.242		
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI	m	17.6	0	17.6	1.790.836		31.518.714		-	31.518.714	31.518.714		
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp I-III	lần	71	0	71	831.776		59.056.096		-	59.056.096	59.056.096		
4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), đất đá cấp IV-VI	lần	9	0	9	1.243.706		11.193.354		-	11.193.354	11.193.354		
5	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cắt, nén bằng phương pháp I trực)	mẫu	21	0	21	1.983.518		41.653.878		-	41.653.878	41.653.878		
6	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	59	0	59	1.272.434		75.073.606		-	75.073.606	75.073.606		
7	Tổng cộng	đồng						386.941.889			386.941.889	386.941.889		



II. HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ

1	Khoan tay trên cạn, độ sâu hố khoan đến 10m, cấp đất đá I-III	m	42	0	42	42	1.261.186		52.969.812	52.969.812	52.969.812
2	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng (cát, nén bằng phương pháp 1 trục)	mẫu	14	0	14	14	1.898.690		26.581.660	26.581.660	26.581.660
3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	7	0	7	7	1.216.614		8.516.298	8.516.298	8.516.298
4	Tổng cộng	đồng							88.067.770	88.067.770	88.067.770
	TỔNG CỘNG (I.7+II.4)	đồng							475.009.659	475.009.659	475.009.659
	LÀM TRÒN	đồng							475.000.000	475.000.000	475.000.000

- Giá trị hợp đồng: 475.000.000 (đồng)
- Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: 0 (đồng)
- Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0 (đồng)
- Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: 475.000.000 (đồng)
- Thanh toán để thu hồi tạm ứng: 0 (đồng)
- Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: 475.000.000 (đồng)
- Lũy kế giá trị thanh toán: 475.000.000 (đồng)

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Thế Vinh



GIÁM ĐỐC
Phạm Minh Hoàn

